

ĐIỂM LẠI KẾT QUẢ CÁC CHÍNH SÁCH TRONG NHIỆM KỲ CỦA TỔNG THỐNG MỸ JOE BIDEN

Thượng tá, ThS. TRỊNH THANH TRÚC

Viện Quan hệ Quốc tế về Quốc phòng; ✉ thanhtructrinh1976@gmail.com

Ngày nhận bài: 20-02-2025; ngày hoàn thiện: 28-02-2025; ngày duyệt đăng: 10-3-2025

Tóm tắt: Trong giai đoạn 2021 - 2025, Tổng thống Mỹ J.Biden đã triển khai các chương trình nghị sự đầy tham vọng nhằm tái thiết và khôi phục vị thế của Mỹ trên trường quốc tế với mục tiêu hàng đầu là kiềm chế Trung Quốc. Những nỗ lực trong nhiệm kỳ của Tổng thống J.Biden dù đạt được nhiều kết quả tích cực nhưng chưa được như mong đợi. Đặc biệt, thất bại trong bao vây, kiềm chế Nga cũng như cuộc rút quân khỏi Afghanistan đã ảnh hưởng rất lớn đến uy tín của chính quyền J.Biden. Bài viết sẽ tập trung đánh giá những thành công và thất bại của chính quyền J.Biden trong nhiệm kỳ lãnh đạo nước Mỹ.

Từ khóa: Chính trị, Mỹ, kinh tế, Tổng thống J.Biden, quân sự.

Tổng thống J.Biden trở thành Tổng thống thứ 46 của Mỹ khi nước Mỹ đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là tình trạng khủng hoảng vì đại dịch Covid-19, cuộc khủng hoảng kinh tế tồi tệ nhất kể từ cuộc đại suy thoái năm 1930 và nền dân chủ Mỹ bị lung lay sau vụ bạo loạn Đồi Capitol (06-01-2021); cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung dưới thời cựu Tổng thống D.Trump căng thẳng, phức tạp, khiến quan hệ song phương hai nước đã rơi xuống mức thấp nhất kể từ khi kết thúc Chiến tranh Lạnh. Trong bối cảnh đó, Tổng thống J.Biden đã triển khai nhiều chính sách trên các lĩnh vực nhằm đưa nước Mỹ vượt qua những khó khăn, qua đó đạt được một số kết quả nhất định, nhưng cũng gặp phải một số thách thức, hạn chế khiến uy tín cá nhân giảm sút và dẫn tới thất bại của đảng Dân chủ trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ năm 2024.

Một số kết quả tích cực từ các chính sách dưới thời chính quyền Tổng thống Mỹ Joe Biden

Kinh tế phục hồi tăng trưởng, khắc phục hiệu quả các vấn đề an sinh xã hội

Ngay khi lên nắm quyền, Tổng thống J.Biden đã thúc đẩy triển khai hàng loạt chính sách kinh tế - xã hội nằm trong cương lĩnh tranh cử nhằm tái thiết nước Mỹ, thúc đẩy an sinh xã hội, bao gồm cắt giảm thuế, tạo việc làm, cải cách giáo dục, hệ thống an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe và chính sách nhập cư, vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu, cũng như thúc đẩy các dự án đầu tư quy mô lớn về cơ sở hạ tầng, công nghệ và sản xuất chế tạo, giải quyết các vấn đề chính trị xã hội nổi cộm như phân biệt chủng tộc, phân cực đảng phái...

Trên lĩnh vực kinh tế, Tổng thống J.Biden triển khai mạnh mẽ các chính sách, trong đó

Kế hoạch kinh tế “Xây dựng lại tốt hơn” (Build Back Better - B3) là chương trình nghị sự quan trọng nhất, mang tính bao trùm và đạt được nhiều kết quả tích cực. Qua đó, giúp nền kinh tế Mỹ phục hồi sau đại dịch Covid-19 và tăng trưởng trở lại, nhất là tốc độ tăng trưởng việc làm mạnh mẽ. Kể từ năm 2021, khi thoát khỏi đại dịch, nước Mỹ đã tạo thêm gần 16,5 triệu việc làm mới, tỷ lệ thất nghiệp trung bình 4,2%. Nếu tính theo tỷ lệ phần trăm, Tổng thống J.Biden là một trong những nhà lãnh đạo có sự giám sát nền kinh tế tốt nhất qua các đời Tổng thống Mỹ kể từ tháng 01-1981.

Về chống biến đổi khí hậu và chuyển đổi năng lượng, Tổng thống J.Biden coi chống biến đổi khí hậu là một trong những ưu tiên hàng đầu và dành nhiều nỗ lực thực hiện, đặc biệt là quyết định đưa Mỹ tái gia nhập Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu¹. Ngày 16-8-2022, Tổng thống J.Biden ký thông qua Đạo luật Giảm lạm phát (IRA), đây là đạo luật về khí hậu quan trọng nhất trong lịch sử Mỹ nhằm giảm thâm hụt, kéo hạ lạm phát, thúc đẩy đầu tư vào sản xuất năng lượng trong nước và các mục tiêu khác. Đạo luật này được coi là bước đột phá về chính sách của Mỹ, đặc biệt liên quan đến cam kết chống biến đổi khí hậu và là một chiến thắng pháp lý quan trọng giúp định hình di sản trong nhiệm kỳ của Tổng thống J.Biden.

Về chính sách nhập cư, Tổng thống J.Biden chỉ thị dừng việc xây dựng bức tường biên giới, hủy lệnh cấm nhằm vào người dân từ một số quốc gia có đa số dân theo Đạo Hồi và các quốc gia khác, thu hẹp chương trình buộc những người xin tị nạn

phải ở lại Mexico trong khi chờ thủ tục xét duyệt vào Mỹ. Bất chấp áp lực chính trị xung quanh vấn đề di cư, Tổng thống J.Biden đã mở ra những con đường hợp pháp mới cho người di cư và khôi phục chương trình tị nạn của Mỹ. Riêng năm 2024, Mỹ đã tiếp nhận hơn 100.000 người tị nạn, mức cao nhất trong 30 năm qua.

Về vấn đề chủng tộc, Tổng thống J.Biden đã ký sắc lệnh nhằm giải quyết nạn phân biệt chủng tộc, hành vi tàn bạo của cảnh sát, đói nghèo, bất bình đẳng đối với người da đen và các cộng đồng da màu khác. Do đó, tỷ lệ thất nghiệp của người da đen đã giảm xuống mức thấp kỷ lục trong năm 2023. Năm 2024, chính quyền Mỹ đã thúc đẩy chính sách triển khai các khoản vay ưu đãi trị giá 1,5 tỉ USD cho doanh nghiệp do người da đen làm chủ, đầu tư hơn 16 tỉ USD vào các trường cao đẳng và đại học dành cho người da đen, hỗ trợ 2,2 tỉ USD cho hơn 43.000 nông dân da đen và những người khác bị phân biệt đối xử.

Điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng mở rộng hợp tác, nâng cao vị thế, vai trò của Mỹ trên trường quốc tế

Chính sách đối ngoại của chính quyền Tổng thống J.Biden được xây dựng trên nền tảng của chủ nghĩa tự do và cương lĩnh của đảng Dân chủ, tiếp nối những nội hàm truyền thống về ngoại giao và hệ giá trị Mỹ. Đồng thời, Mỹ điều chỉnh theo hướng thực dụng hơn để phù hợp với xu thế chung của thế giới và điều kiện của nước Mỹ, tập trung lấy lợi ích người lao động và tầng lớp trung lưu làm cơ sở chính để hoạch định chính sách. Mục tiêu chiến lược đối ngoại của Mỹ

được xác định gắn chặt với đối nội, gồm ứng phó với đại dịch Covid-19, củng cố an ninh y tế toàn cầu; phục hồi vai trò lãnh đạo và vị thế dẫn dắt của nước Mỹ trên thế giới; xử lý đối thủ địa - chính trị lớn nhất của Mỹ trong thế kỷ XXI là Trung Quốc và các thách thức từ Nga, Iran, Triều Tiên, cũng như các vấn đề toàn cầu.

Đối với đồng minh, đối tác, chính quyền Tổng thống J.Biden thể hiện sự coi trọng hợp tác cả về song phương và đa phương.

Với các nước châu Âu, Mỹ ưu tiên thúc đẩy hợp tác, cải thiện quan hệ với các đồng minh quan trọng như Pháp, Đức, Italia và từ bỏ chính sách chia sẻ chi phí quân sự với các nước này. Tuy nhiên, Mỹ vẫn yêu cầu duy trì định mức tiêu chuẩn 2% chi tiêu quốc phòng/GDP đối với các nước thành viên của Liên minh châu Âu (EU), tham gia giải quyết các mâu thuẫn, xung đột giữa một số nước EU, đồng thời coi đoàn kết trong Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) là trung tâm trong chính sách ngoại giao xuyên Đại Tây Dương. Chính quyền J.Biden cũng phối hợp chặt chẽ với đồng minh châu Âu để kiềm chế Trung Quốc, Nga trong các vấn đề như công nghệ 5G, nhân quyền, an ninh hạt nhân... Sau khi Nga tiến hành “Chiến dịch quân sự đặc biệt” ở Ukraine (24-02-2022), chính sách và chiến lược của Mỹ tập trung vào hỗ trợ quân sự và kinh tế mạnh mẽ nhằm giúp chính quyền Ukraine giải quyết các vấn đề trong nước, cũng như trụ vững trên chiến trường. Mỹ đứng đầu danh sách các nước cung cấp viện trợ quân sự lớn nhất cho Ukraine. Theo Viện Kinh tế Thế giới (Đức), chính quyền J.Biden đã hỗ

trợ quân sự 67,3 tỷ USD trực tiếp cho Ukraine. Ngoài ra, Mỹ tăng cường vận động các nước đồng minh và NATO đẩy mạnh viện trợ quân sự cho Ukraine, cho phép các nước đồng minh cung cấp cho Ukraine các loại vũ khí do Mỹ sản xuất. Mặc dù vậy, Mỹ vẫn tìm cách tránh trực tiếp tham gia vào cuộc xung đột giữa Ukraine với Nga.

Với các nước châu Á - Thái Bình Dương, về quan hệ song phương, Mỹ xác định nhóm đồng minh nòng cốt là Australia, Nhật Bản, Hàn Quốc. Trong nhiệm kỳ, Tổng thống J.Biden đã có các chuyến thăm, gặp gỡ, hội đàm với các đồng minh chủ chốt để khẳng định cam kết, thể hiện sự coi trọng lợi ích của đồng minh. Cách tiếp cận không tạo sức ép cực đoan yêu cầu các nước thể hiện quan điểm cứng rắn với Trung Quốc như chính quyền D.Trump, đã phần nào giúp Mỹ củng cố quan hệ với các đồng minh ở khu vực. Với các đối tác quan trọng như Ấn Độ, New Zealand, ASEAN và một số thành viên chủ chốt trong ASEAN, Mỹ thể hiện sự coi trọng quan hệ song phương, thúc đẩy nâng cấp quan hệ, nhất là quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện với ASEAN (11-2022), Đối tác Chiến lược toàn cầu với Ấn Độ (9-2024). Về đa phương, chính quyền J.Biden đặc biệt coi trọng hợp tác tiểu đa phương để củng cố quan hệ với đồng minh và đối tác, đề cao vai trò và tiếng nói của đồng minh theo cách tiếp cận tuần tự, chừng mực, khéo léo, nhằm mở rộng tập hợp, liên kết lực lượng ngăn chặn sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc. Trong đó, để gia tăng sự gắn kết với các đồng minh thân cận, Mỹ đã thiết lập các tổ chức đa phương do Mỹ dẫn dắt như: Đối

thoại An ninh bốn bên (Nhóm “Bộ Tứ”- QUAD, gồm Mỹ, Nhật Bản, Australia, Ấn Độ, tháng 3-2021), Quan hệ Đối tác An ninh ba bên (Mỹ, Anh, Australia - AUKUS, tháng 9-2021), Liên minh Mỹ - Nhật Bản - Philippines (JAPHUS); củng cố Liên minh Mỹ - Nhật Bản - Australia, Mỹ - Nhật Bản - Hàn Quốc, Mỹ - Nhật Bản - Ấn Độ. Đồng thời, Mỹ triển khai hàng loạt biện pháp, sáng kiến hướng tới các giá trị phổ quát, không đòi hỏi quốc gia thành viên cam kết tất cả các nội dung để tránh gây sức ép cho các bên tham gia, chủ yếu tập trung vào các sáng kiến liên kết, hợp tác kinh tế, giao lưu văn hóa, như thiết lập Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPS), Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì thịnh vượng (IPEF); thúc đẩy triển khai sáng kiến Hạ nguồn sông Mê Công (LMI), Đối tác về hạ tầng và đầu tư toàn cầu (PGII).

Với các nước Trung Đông, chính quyền J.Biden chú trọng liên minh chặt chẽ với Israel và nhấn mạnh việc Mỹ cung cấp cho Israel tất cả vũ khí cần thiết, nhưng Mỹ cũng bày tỏ lập trường ủng hộ giải pháp hai nhà nước nhằm giải quyết xung đột Israel - Palestine. Sau khi xảy ra xung đột Israel - Hamas, Tổng thống J.Biden chủ trương thúc đẩy thực hiện Kế hoạch ba giai đoạn để kết thúc chiến tranh ở Dải Gaza.

Đối với các quốc gia “đối thủ”, chính quyền J.Biden thể hiện lập trường cứng rắn, chú trọng chiến lược cạnh tranh, phối hợp với đồng minh, đối tác để gây sức ép toàn diện.

Với Trung Quốc, chính sách đối ngoại của chính quyền J.Biden tập trung vào hiện thực hóa ba mục tiêu chiến lược, gồm kiềm chế

Trung Quốc về quân sự, duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực theo luật pháp quốc tế và làm thay đổi nhận thức của Trung Quốc trong quan hệ với Mỹ. Mục tiêu kiềm chế Trung Quốc là ưu tiên số một của Tổng thống J.Biden và nhận được sự đồng thuận của lưỡng đảng ở Mỹ. So với chính quyền tiền nhiệm, chính quyền J.Biden ưu tiên cạnh tranh hơn là hòa hoãn với Trung Quốc, đặc biệt ở một số lĩnh vực có thể làm thay đổi cán cân sức mạnh Mỹ - Trung như công nghệ cao, khoáng sản chiến lược, hạ tầng trọng yếu. Đồng thời, Mỹ thể hiện sự cứng rắn trong các vấn đề liên quan đến lợi ích cốt lõi của Trung Quốc như Đài Loan, Biển Đông.

Chính quyền J.Biden đã triển khai một loạt chính sách, nhất là lôi kéo, liên kết chặt chẽ với các đồng minh, nhằm cạnh tranh và kiềm chế Trung Quốc. Mỹ yêu cầu các nước đồng minh công khai công kích, lên án các hành vi vi phạm nhân quyền của Trung Quốc, giảm sự phụ thuộc vào Trung Quốc về công nghệ, phối hợp với đồng minh ban hành lệnh cấm xuất khẩu, đầu tư vào Trung Quốc trong các lĩnh vực như công nghệ bán dẫn và vi điện tử, lượng tử, trí tuệ nhân tạo (AI). Đặc biệt, Mỹ công khai đẩy mạnh quan hệ với Đài Loan bất chấp phản đối mạnh mẽ từ phía Trung Quốc. Mỹ liên tục cung cấp vũ khí cho Đài Loan, duy trì hiện diện quân sự và ký thỏa thuận thương mại đầu tiên trong khuôn khổ Sáng kiến Mỹ - Đài Loan về thương mại thế kỷ 21. Hai bên cũng đàm phán để mở rộng nội dung thỏa thuận, đặt nền móng để ký kết Hiệp định Thương mại tự do (FTA) Mỹ - Đài Loan trong tương lai.

Với Nga, Mỹ vận động các nước và cộng đồng quốc tế lên án hành vi của Nga leo thang chiến dịch quân sự tại Ukraine, gia tăng các biện pháp răn đe, trừng phạt, kiểm soát về xuất khẩu, tài chính, thương mại, trong đó bao gồm chính sách cô lập Nga khỏi hệ thống tài chính toàn cầu, cấm vận, ngăn chặn nguồn thu của Nga từ ngành năng lượng. Mục tiêu của Mỹ và phương Tây là đẩy nền kinh tế Nga rơi vào tình trạng kiệt quệ vì chiến tranh và gây khó khăn cho ngành công nghiệp quốc phòng Nga, ngăn chặn nguồn lực hỗ trợ chiến dịch của Nga ở Ukraine, từ đó buộc Nga phải rút lực lượng khỏi Ukraine. Mỹ cũng từng bước đình chỉ các hoạt động từng hợp tác với Nga, như chấm dứt chia sẻ dữ liệu với Nga về lực lượng hạt nhân chiến lược nhằm đáp trả việc Nga đình chỉ tham gia Hiệp ước Cắt giảm vũ khí chiến lược mới (New START), đình chỉ các nghĩa vụ theo Hiệp ước về Các lực lượng vũ trang thông thường ở châu Âu (CFE) sau khi Nga rút khỏi hiệp ước này. Cùng với đó, Mỹ áp dụng các lệnh trừng phạt đối với cá nhân, thực thể ở các nước có quan hệ với Nga như Trung Quốc, Triều Tiên, Iran... để răn đe, ngăn chặn, cản trở các nước này hỗ trợ Nga. Mặc dù vậy, chính quyền J.Biden vẫn có một số hoạt động tiếp xúc với Nga ở tần suất thấp để duy trì đối thoại, đơn cử như Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Anthony Blinken có cuộc gặp ngắn với Bộ trưởng Ngoại giao Nga bên lề Hội nghị Bộ trưởng G20 tại Ấn Độ (3-2023), đồng thời Mỹ cũng đề ngỏ khả năng đối thoại với Nga trong vấn đề chống phổ biến vũ khí hạt nhân.

Với Iran, chính quyền J.Biden điều chỉnh cách tiếp cận theo hướng cân bằng hơn, kết

hợp các biện pháp cứng rắn và ngoại giao, coi trọng vai trò của Kế hoạch Hành động toàn diện chung (JCPOA) trong kiểm soát tham vọng hạt nhân của Iran. Chính quyền J.Biden không dỡ bỏ các biện pháp trừng phạt Iran, mà yêu cầu nước này nhượng bộ nhiều hơn.

Với Triều Tiên, chính sách của chính quyền J.Biden đối với Triều Tiên là sự kế thừa và được điều chỉnh theo thực tiễn, không theo hướng “kiên nhẫn chiến lược” như thời Tổng thống B.Obama, hay tìm cách thỏa hiệp “mặc cả có lợi” như thời Tổng thống D.Trump, mà sử dụng “chính sách kép”. Theo đó, chính quyền J.Biden chủ trương chọn cách tiếp cận thực tế, cởi mở, kết hợp khuyến khích về ngoại giao với bổ sung các biện pháp trừng phạt cứng rắn và phối hợp cùng với đồng minh, đối tác gây sức ép lên Triều Tiên.

Điều chỉnh chiến lược quân sự và ứng phó với các thách thức an ninh mới ở các khu vực địa chiến lược

Theo quan điểm chính quyền J.Biden, trong bối cảnh các đối thủ của Mỹ, nhất là Trung Quốc và Nga theo đuổi các chiến lược mang tính tổng hợp nhằm đạt được các mục tiêu và làm suy yếu nền tảng hệ thống quốc tế do Mỹ lãnh đạo, Mỹ cần triển khai nhiều biện pháp để tăng sức mạnh quân sự toàn cầu.

Tăng ngân sách quốc phòng để hiện đại hóa quân đội. Trong nhiệm kỳ của Tổng thống J.Biden, Mỹ liên tục tăng ngân sách quốc phòng từ 770 tỉ USD (2022) lên 858 tỉ USD (2023) và 886 tỉ USD (2024), với khoản kinh phí ưu tiên dành cho các chương trình hiện đại hóa quân đội, gồm tăng ngân sách hoạt động cho lực lượng Mỹ ở châu Âu và châu Á - Thái Bình Dương.

Rút lực lượng quân sự khỏi Afghanistan. Chủ trương quyết tâm rút lực lượng Mỹ khỏi Afghanistan do Tổng thống D.Trump nhiệm kỳ đầu đề xuất, nhưng được thực hiện dưới thời chính quyền J.Biden, với sự nhất trí của cả hai đảng Cộng hòa và Dân chủ Mỹ. Quyết định này đã đưa Mỹ thoát khỏi cuộc chiến kéo dài gần 20 năm, tiêu tốn nhiều nguồn lực mà chưa có triển vọng giải quyết triệt để, gây tổn hại, cản trở không nhỏ đến lợi ích quốc gia của Mỹ.

Bổ sung lực lượng quân sự ở châu Âu. Từ tháng 02-2022, Bộ Quốc phòng Mỹ đã tăng cường hơn 20.000 binh sĩ (lục quân, không quân, hải quân, tác chiến mạng, tác chiến vũ trụ), đưa tổng quân số của Mỹ triển khai ở châu Âu lên hơn 100.000 binh sĩ. Với quân số được tăng cường, ngoài 350 căn cứ quân sự đã có, Mỹ xúc tiến xây dựng một số căn cứ quân sự mới như Sở chỉ huy tuyến trước của Quân đoàn 5 Lục quân, Sở chỉ huy Lục quân đồn trú và một số căn cứ luân chuyển tại Ba Lan. Mỹ cũng tiến hành mở rộng, nâng cấp các căn cứ quân sự khác ở Ba Lan, Lithuania, Latvia, Romania, Bulgaria, Hungary, Slovakia... để nâng cao khả năng tác chiến cho các lực lượng triển khai ở châu Âu. Đồng thời, Mỹ tăng ngân sách quốc phòng trong khuôn khổ Sáng kiến rắn đe châu Âu (EDI). Theo đó, Mỹ dành 4,2 tỉ USD ngân sách tài khóa 2023 cho các hoạt động như luân chuyển lực lượng, diễn tập, xây dựng cơ sở hạ tầng và củng cố các trang thiết bị đã có của lực lượng Mỹ ở châu Âu. Mỹ cũng tăng quy mô lực lượng và phương tiện trong các hoạt động diễn tập tác chiến liên quân. Các hoạt động này giúp Mỹ củng

cố vị thế hàng đầu về đảm bảo an ninh với các đồng minh châu Âu.

Tăng cường sự hiện diện quân sự ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, ngoài các căn cứ quân sự đã có ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Thái Lan, Philippines, Singapore, Mỹ xây dựng thêm 05 căn cứ quân sự ở Philippines để củng cố hiện diện và khả năng cơ động triển khai lực lượng ở khu vực. Đồng thời, Mỹ đẩy mạnh các chương trình đào tạo, huấn luyện với quân đội các nước đồng minh, đối tác khu vực như cử chuyên gia, cung cấp máy bay trinh sát Cessna 208 hỗ trợ Philippines chống khủng bố; mở rộng chương trình đào tạo huấn luyện quân sự trong Chương trình huấn luyện quân sự quốc tế (IMET), Sáng kiến hoạt động hòa bình toàn cầu (GPOI)... Mỹ cũng tăng cường hợp tác huấn luyện và diễn tập quân sự song phương thường xuyên với các nước khu vực, như Nhật Bản (Keen Sword - Kiếm sắc, Keen Edge - Lưỡi dao sắc, Valiant Shield - Lá chắn dũng cảm), Hàn Quốc (Freedom Shield - Lá chắn Tự do), Philippines (Balikatan), Indonesia (Super Garuda Shield - Siêu lá chắn Garuda)... Cùng với đó, Mỹ đẩy mạnh phối hợp với quân đội các nước khu vực tổ chức các cuộc diễn tập đa phương với sự tham gia của các nước trong và ngoài khu vực như diễn tập Cobra Gold (Hổ mang vàng), RIMPAC (Vành đai Thái Bình Dương), SEACAT (Hợp tác và huấn luyện Đông Nam Á), Regional Cooperation (với quân đội các nước Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, Uzbekistan, Mông Cổ, Pakistan), Pacific Dragon (diễn tập phòng thủ tên lửa

Mỹ - Nhật - Hàn)... Đặc biệt, Mỹ gia tăng tần suất các hoạt động tuần tra tự do hàng hải (FONOP) ở Biển Đông, Biển Hoa Đông, eo biển Đài Loan, với sự phối hợp tham gia của máy bay chiến đấu và tàu chiến từ các đồng minh của Mỹ ở khu vực. Các quan hệ hợp tác về an ninh và quân sự tăng cường giúp Mỹ hợp thức hóa sự hiện diện thường trực và nâng cao vai trò răn đe quân sự, đồng thời khẳng định hành động thực hiện cam kết với đồng minh, đối tác ở khu vực.

Một số thách thức, hạn chế của chính quyền Tổng thống Joe Biden trong thực thi các chính sách

Một số chính sách kinh tế - xã hội không phát huy tác dụng, kém hiệu quả

Về kinh tế, nền kinh tế và cuộc sống của người dân Mỹ vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức do lạm phát leo thang từ tháng 01-2021 đến tháng 11-2024, chỉ số giá tiêu dùng tăng gần 20%. Chính quyền J.Biden nỗ lực kiềm chế lạm phát bằng cách tăng lãi suất của Cục Dự trữ liên bang (FED) dẫn đến lãi suất thế chấp ở mức 5,25 - 5,5%, cao nhất trong vòng 23 năm, khiến người thu nhập trung bình ở Mỹ khó có khả năng sở hữu được nhà ở. Mỹ cũng rơi vào tình trạng nợ công cao, tháng 01-2023, Mỹ đã đạt đến giới hạn nợ liên bang buộc Bộ Tài chính phải áp dụng các biện pháp đặc biệt để Mỹ không bị vỡ nợ.

Trong vấn đề người nhập cư, việc Tổng thống J.Biden thiết lập cơ chế nhập cư nhân đạo hơn so với thời chính quyền D.Trump đã dẫn tới làn sóng người vượt biên trái phép vào Mỹ tăng vọt chỉ trong vài tháng, khiến các trung tâm xử lý người tị nạn ở biên giới

bị quá tải. Tình trạng vượt biên trái phép đạt mức kỷ lục vào các năm 2022 và 2023, với khoảng 10 triệu vụ kể từ khi Tổng thống J.Biden nhậm chức. Theo thống kê của đảng Cộng hòa, có 11 triệu người nhập cư không giấy tờ đang sinh sống tại Mỹ, trong 4 năm cầm quyền của Tổng thống J.Biden đã xảy ra 245.000 vụ phạm tội, gồm 13.000 tội phạm giết người... có liên quan tới việc buông lỏng công tác quản lý biên giới.

Về chống biến đổi khí hậu và chuyển đổi năng lượng, các chính sách của Tổng thống J.Biden không ngăn chặn được sự gia tăng mạnh sản lượng dầu khí của Mỹ, chủ yếu ở các vùng đất tư nhân ở Texas và New Mexico, khiến Mỹ trở thành nước khai thác dầu mỏ nhiều nhất thế giới. Mặc dù Mỹ đặt mục tiêu cắt giảm lượng khí thải, nhưng lại thúc đẩy mục tiêu tăng gấp đôi lượng xuất khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) vào năm 2030. Hãng Rhodium Group cho biết, các chính sách được chính quyền J.Biden triển khai chỉ giúp lượng khí thải nhà kính của Mỹ giảm 32 - 43% vào năm 2030, thấp hơn mục tiêu 50 - 52% Tổng thống J.Biden đặt ra.

Về vấn đề chủng tộc, những nỗ lực của chính quyền J.Biden không thể ngăn chặn tình trạng phân biệt chủng tộc có xu hướng lan rộng ở Mỹ trong khi quá trình cải cách tư pháp của Mỹ diễn ra chậm chạp. Dù Bộ Tư pháp Mỹ đã khôi phục các cuộc điều tra về hành vi vi phạm quyền công dân, nhưng vẫn chưa làm rõ những hành vi vi phạm của cảnh sát. Đạo luật Công lý George Floyd nhằm ngăn chặn các hành vi lạm quyền của cảnh sát vì phân biệt chủng tộc vẫn bị mắc kẹt ở Quốc hội.

Chính sách đối ngoại tác động ngược đối với vai trò của Mỹ tại một số khu vực chiến lược quan trọng

Thất bại trong thực thi chiến lược rút quân khỏi Afghanistan. Nhiều nhà phân tích cho rằng, việc lập kế hoạch thiếu chu đáo của chính quyền J.Biden khiến Mỹ tổ chức rút quân khỏi Afghanistan như “kẻ thua trận tháo chạy”, kéo theo sự sụp đổ nhanh chóng của hệ thống chính quyền các cấp do Mỹ dựng lên trên khắp Afghanistan trước sự tiến công của Taliban. Việc Mỹ chấm dứt 20 năm tham chiến ở Afghanistan đã để lại nhiều hệ lụy, nhất là việc hình thành một vòng cung bất ổn an ninh mới ở Trung Đông kéo dài từ Lebanon đến Afghanistan. Sự kiện này khiến uy tín của chính quyền J.Biden giảm mạnh do sự lên án, chỉ trích của người dân Mỹ, đảng Cộng hòa và cả các nước đồng minh. Hình ảnh Mỹ “bỏ rơi” đồng minh và rút quân “hỗn độn” khỏi Afghanistan cũng trở thành công cụ để các đối thủ của Mỹ tuyên truyền, cảnh báo tới các đồng minh, đối tác của Mỹ về hậu quả của sự lệ thuộc quá mức vào Mỹ.

Thất bại trong thực thi chính sách đối với Ukraine. Mặc dù chính quyền J.Biden đã viện trợ quân sự rất lớn cho Ukraine, nhưng ưu thế quân sự trên chiến trường vẫn nghiêng về phía Nga, đồng thời Ukraine gần như không thể xoay chuyển cục diện cuộc chiến theo hướng có lợi cho nước này trong tương lai gần.

Thất bại trong việc bao vây, kiểm chế Nga. Các lệnh trừng phạt được Tổng thống J.Biden coi là “địa ngục” đã không đạt được mục tiêu “xé nát nền kinh tế Nga thành từng

mảnh”, ngược lại còn tạo động lực cho Nga phát triển kinh tế khi GDP của nước này tăng trưởng mạnh trong năm 2022 và 2023. Theo Ngân hàng Thế giới (WB), năm 2023, kinh tế Nga đạt mức tăng trưởng 3,6%, trở thành nền kinh tế thứ 5 thế giới, vượt qua Đức (xét theo sức mua tương đương); tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp kỷ lục 3,2%, mức tăng lương của người lao động đạt 7,6%, năng suất công nghiệp tăng 78,5% (mức cao nhất kể từ năm 1990). Mỹ không chỉ không cô lập và làm suy yếu được Nga, mà còn không thể ngăn chặn mối quan hệ ngày càng sâu sắc giữa Nga với Trung Quốc, Iran và Triều Tiên.

Thất bại trong thực thi chính sách và chiến lược ở Trung Đông. Tổng thống J.Biden đã ủng hộ, cho phép Israel tự do hành động ở Dải Gaza, với hy vọng điều này sẽ giúp giữ ổn định tại Lebanon. Trong thời gian từ tháng 8-2024 trở về trước, chính sách này của Mỹ dường như đã có hiệu quả. Mặc dù xuất hiện nhiều điểm nóng ở Syria, Iraq và các vụ tấn công tàu thuyền ở Biển Đỏ từ lực lượng Houthis ở Yemen, song Israel vẫn chủ yếu tập trung vào Dải Gaza và không làm gia tăng xung đột tại Lebanon. Tuy nhiên, bất chấp những nỗ lực của Tổng thống J.Biden kêu gọi Israel tập trung vào Hamas, Thủ tướng Israel B.Netanyahu vẫn chủ trương thực hiện các cuộc tiến công lớn chống Hezbollah. Cuộc chiến giữa Israel và Hamas ở Dải Gaza lan rộng thành xung đột giữa Israel và lực lượng Hezbollah ở Lebanon, dẫn đến các cuộc tấn công đáp trả lẫn nhau giữa Israel và Iran. Mỹ bị mắc kẹt giữa việc muốn kiểm soát Israel và nguy cơ bị kéo vào cuộc xung đột với Iran. Tổng thống J.Biden bị chỉ trích vì quá yếu

thế, để cho Thủ tướng Israel tự ý hành động. Sự ủng hộ kiên định của Tổng thống J.Biden dành cho Israel đã gây chia rẽ trong nội bộ đảng Dân chủ và vấp phải nhiều chỉ trích về vi phạm nhân quyền, luật pháp quốc tế.

Một số mục tiêu về quân sự không đạt được theo kỳ vọng

Các nước giảm lòng tin và hoài nghi về mục tiêu cũng như tính lâu dài của chiến lược quân sự của Mỹ. Bất chấp các nỗ lực tăng cường hợp tác, cam kết đảm bảo an ninh, chính quyền J.Biden vẫn chưa thể khôi phục được lòng tin của các nước đồng minh, đối tác. Các đồng minh châu Âu tìm cách tự chủ chiến lược do lo ngại bị Mỹ bỏ rơi. Nhiều đồng minh của Mỹ ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tỏ ra nghi ngờ về ý đồ và mục tiêu chiến lược quân sự của Mỹ ở khu vực. Điển hình, các thành viên trong Nhóm “Bộ Tứ” không thống nhất được phương châm, phương hướng quan hệ do sự khác biệt về quan điểm và lợi ích. Ở Đông Bắc Á, tình hình “phi hạt nhân hóa” bán đảo Triều Tiên không đạt được tiến triển; hai đồng minh của Mỹ là Nhật Bản và Hàn Quốc luôn lo ngại về mối đe dọa an ninh từ Triều Tiên cũng như các tham vọng của Trung Quốc. Ở Đông Nam Á, một số nước vẫn tỏ ra nghi ngờ về sự ủng hộ của Mỹ trong tình huống tranh chấp, xung đột vũ trang với Trung Quốc.

Chi tiêu ngân sách cho triển khai lực lượng quân sự mất cân bằng giữa châu Âu và châu Á - Thái Bình Dương. Khoản ngân sách viện trợ của Mỹ đối với Ukraine được xác định là ưu tiên số một, trong khi nền kinh tế Mỹ phải đối mặt với nhiều khó khăn

do tác động của đại dịch Covid-19, hậu quả của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ với Trung Quốc và Nga. Do đó, các khoản ngân sách dành cho việc triển khai lực lượng quân sự ở châu Á - Thái Bình Dương bị thu hẹp so với nhu cầu thực tế.

Khả năng bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cho lực lượng quân sự Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương chưa đáp ứng yêu cầu. Mặc dù Mỹ vẫn là cường quốc quân sự hàng đầu thế giới, với tiềm lực quân sự vượt trội, song Bộ Quốc phòng Mỹ cho biết, Quân đội Mỹ không đủ khả năng về hậu cần, kỹ thuật cho các hoạt động tác chiến trong trường hợp xảy ra xung đột với Trung Quốc, nhất là khả năng tiếp nhiên liệu và tái tiếp tế cho các lực lượng tác chiến. Vấn đề này càng trở nên rõ ràng hơn trước thực trạng xu hướng Hải quân Mỹ tụt hậu hơn so với Hải quân Trung Quốc.

Kết luận

Trong nhiệm kỳ 04 năm cầm quyền, Tổng thống J.Biden đã thúc đẩy triển khai nhiều chính sách đối nội, đối ngoại nhằm khôi phục tiềm lực kinh tế, ổn định an sinh xã hội, nhất là đưa nước Mỹ thoát khỏi nguy cơ khủng hoảng kinh tế sau đại dịch Covid-19, tăng cường vai trò, vị thế của Mỹ trên toàn cầu. Mặc dù đạt được một số mục tiêu nhất định, nhưng di sản Tổng thống J.Biden để lại chưa rõ ràng, thậm chí một số chính sách kém hiệu quả khiến Tổng thống J.Biden chịu nhiều áp lực từ sự chỉ trích của dư luận trong nước và quốc tế, tác động tiêu cực tới hình ảnh, vị thế của Mỹ trên trường quốc tế./.

Chú thích:

¹ Mỹ rút khỏi thỏa thuận này năm 2017 dưới thời Tổng thống D.Trump.

Tài liệu tham khảo:

1. Trúc Huỳnh, Nhìn lại nhiệm kỳ duy nhất của Tổng thống Biden, thanhnien.vn, ngày 06-11-2024.

2. Hoài Linh, Những thành tựu và thất bại của ông Joe Biden khi làm Tổng thống Mỹ, vietnam-net.vn, ngày 18-01-2025.

3. Nguyễn Long, Di sản của Tổng thống Biden trong hơn 50 năm tham gia chính trường Mỹ, dantri.com.vn, ngày 20-01-2025.

4. Đỗ Thảo, Nhìn lại di sản trong nhiệm kỳ của cựu Tổng thống Mỹ Joe Biden, mekongasean.vn, ngày 31-01-2025.

5. Từ Uyên, Di sản Tổng thống Joe Biden để lại sau một nhiệm kỳ, cand.com.vn, ngày 22-01-2025.

**A REVIEW OF THE POLICY OUTCOMES OF
UNITED STATES PRESIDENT JOE BIDEN'S TERM**

TRINH THANH TRUC

Abstract: From 2021 to 2025, President Joe Biden implemented an ambitious agenda to rebuild and restore the United States' global standing, with a primary focus on containing China. While his administration achieved several notable successes, some of its efforts have failed to produce the desired outcomes. In particular, the failure to encircle and restrain Russia, along with the chaotic withdrawal from Afghanistan, dealt a significant blow to the credibility of Biden's administration. This article examines the successes and shortcomings of his presidency, assessing its overall impact on U.S. domestic and foreign policy.

Key words: Politics, the United States, economics, President Joe Biden, military.

(Tiếp theo trang 26)

**POLICIES ON TRAINING AND SELECTION OF SENIOR PERSONNEL
BY RUSSIAN PRESIDENT VLADIMIR PUTIN**

VU THUY TRANG & DANG THI PHUONG HOA

Abstract: Since taking office, Russian President Vladimir Putin has implemented a range of strategic policies vital to the stability and development of the Russian Federation. Among these, his approach to training and selecting senior personnel has been instrumental in shaping and reinforcing Russia's governmental apparatus at both central and local levels. This article examines the defining characteristics of this policy across different periods and explores the rationale behind President Putin's adjustments in the training and selection of senior officials.

Key words: Training, senior personnel, Russian President Vladimir Putin, selection.